TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H6 phúc**

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 26-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tịnh;

Ông Nguyễn Khắc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1973 tại tỉnh Bắc Ninh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lạc T, thị trấn H1, huyện T1, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1947; có chồng Lê Văn X, sinh năm 1975 (hiện đang chấp hành án ma túy tại Trại giam Yên Trạch, Công an tỉnh Lạng Sơn), chưa có con; tiền án: Tại Bản án số 13/1998/HS-ST ngày 28/02/1998, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc xử phạt 03 năm tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tại Bản án số 03/2001/HS-ST ngày 18/10/2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; tại Bản án số 95/2004/HS-ST ngày 22/12/2004, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 12 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Lê Văn T2; sinh ngày 12 tháng 12 năm 1947 tại tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Diệu N1 (đã chết) và bà Ngô Thị N2 (đã chết); có vợ Vi Thị K (đã chết), có 04 con, con lớn sinh năm 1969, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Hoàng Văn D; sinh ngày 27 tháng 4 năm 1975 tại tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L1, xã T3, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Viết K1 (đã chết) và bà Hà Thị L2 (đã chết); có vợ Nông Thị T4, sinh năm 1978, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 100/2012/HS-ST ngày 24/7/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Hà Văn H4 (tên gọi khác: K2); sinh ngày 29 tháng 8 năm 1987 tại tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N3, xã T3, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn C2, sinh năm 1967 và bà Vi Thị D1, sinh năm 1969; có vợ Vi Thị C3, sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:* Ông Nguyễn Văn H5, Luật sư Văn phòng luật sư Vượng Ngọc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*

1. Anh Lê Văn Q, sinh ngày 16/8/1990; nơi cư trú: Thôn N, xã H2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Chị Lê Thị X1, sinh ngày 25/10/1969; nơi cư trú: Thôn Q1, xã H2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hà Văn N4; sinh ngày 09/9/1974, vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn C4, sinh ngày 29/12/1983, vắng mặt.

3. Chị Nông Thị D2, sinh ngày 23/6/1972, vắng mặt.

4. Ông Đàm Viết C5, sinh ngày 16/9/1962, vắng mặt.

5. Anh Lê Văn T4, sinh ngày 02/5/1970, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 25/4/2017, Tổ công tác Đồn Công an thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc đang làm nhiệm vụ tại thôn B, xã P, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Hoàng Văn C4 (sinh ngày 29/12/1983; trú tại: Thôn L1, xã T3, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1-18854 chở Hoàng Văn D (sinh ngày 27/4/1975; trú tại: Thôn L1, xã T3, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn) có dấu hiệu nghi vấn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thấy Hoàng Văn D đã ném một gói màu trắng vào bụi cây ven đường. Tổ công tác đã thu giữ và Hoàng Văn D khai nhận đó là gói ma túy Hoàng Văn D đang mang đi bán. Tổ công tác đã đưa đối tượng đến Đồn Công an thị trấn Đồng Đăng để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ vật chứng, tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 12D1-18854.

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 26/4/2017, Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Lê Văn T2 (sinh ngày 12/12/1947; trú tại: Thôn N, xã H2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) đang thực hiện hành vi bán ma túy tại trước cửa nhà mình. Thu giữ được một túi nilon màu đen, bên trong có 13 gói nhỏ quấn giấy trong đều có chất bột màu trắng. Lê Văn T2 khai nhận số ma túy trên là của Nguyễn Thị H (con dâu của Lê Văn T2, sinh năm 1975, ở cùng nhà với Lê Văn T2). Công an huyện Cao Lộc đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ vật chứng và niêm phong 02 điện thoại di động, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Văn T2 và 2.000.000 đồng. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H đã thu giữ được 227.400.000 đồng và một số đồ vật liên quan đến vụ án.

Ngày 26/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra Lệnh bắt khẩn cấp và khám xét khẩn cấp đối với Hà Văn H4 (tên gọi khác là K2; sinh ngày 29/8/1987; trú tại: Thôn N3, xã T3, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn).

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 02/6/2017, Công an huyện Cao Lộc đã bắt giữ được Nguyễn Thị H thu giữ được trên người gồm: 21 gói ni-lon màu đen quấn dây nịt màu vàng bên trong là lớp ni-lon màu trắng đựng chất cục bột màu trắng; 01 túi ni-lon trong suốt cuộn dây nịt màu vàng, bên trong có chất bột màu trắng, kích thước 05x06 cm; 01 túi ni-lon trong suốt cuộn dây nịt màu vàng, bên trong có tinh thể màu trắng, kích thước 13x08 cm; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị H, 02 điện thoại di động, 01 túi xách cầm tay.

Tại bản Kết luận giám định số 170/KL-PC54 ngày 28/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *"Chất bột màu trắng có trong một gói giấy thu giữ của Hoàng Văn D gửi giám định là chất ma túy Hêrôin, có trọng lượng 0,378 gam"*.

Tại bản Kết luận giám định số 172/KL-PC54 ngày 28/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *"Chất bột màu trắng có trong 13 (mười ba) túi ni-lon thu giữ của Lê Văn T2 gửi giám định đều là chất ma túy Hêrôin, có tổng trọng lượng 16,048 gam"*.

Tại bản Kết luận giám định số 226/KL-PC54 ngày 10/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận về vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị H: *"Chất bột màu trắng có trong 21 (hai mươi mốt) gói ni-lon màu đen đều là chất ma túy Hêrôin, có tổng trọng lượng 36,039 gam; chất bột màu trắng có trong 01 (một) gói ni-lon trong suốt là chất ma túy Hêrôin, có trọng lượng 1,068 gam; chất bột màu trắng có trong 01 (một) túi ni-lon có trọng lượng 7,612 gam, không tìm thấy chất ma túy"*.

Tại bản Kết luận giám định số 216/KL-PC54 ngày 28/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn về việc giám định tiền thu giữ trong lúc bắt và khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn T2 và Nguyễn Thị H kết luận: *"Toàn bộ số tiền Việt Nam trong 04 (bốn) gói niêm phong gửi giám định là tiền thật"*.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến ngày 02/6/2017, Nguyễn Thị H đã nhiều lần mua ma túy Hêrôin với một người tên H6 (không rõ địa chỉ nhà cụ thể). Nguyễn Thị H mua ma túy về một phần để sử dụng cho bản thân, một phần bán lại cho các con nghiện khác để kiếm lời. Ma túy bán lại cho các con nghiện khác được chia thành 02 loại với giá tiền 1.000.000 đồng/gói và 1.800.000 đồng/gói, ký hiệu trên mỗi túi tương ứng với số 01 và số 18. Những lúc Nguyễn Thị H không ở nhà thì có bảo bố chồng là ông Lê Văn T2 ở nhà bán ma túy hộ. Lê Văn T2 được bán ma túy hộ cho Nguyễn Thị H 04 lần. Trong khoảng thời gian cuối năm 2016, Nguyễn Thị H đã thực hiện việc mua bán ma túy nhiều lần cụ thể như sau: Bán ma túy cho Hoàng Văn D 04 lần; bán cho Hà Văn H4 03 lần và bán cho nhiều người khác không rõ địa chỉ cụ thể.

Vào ngày 25/4/2017, Hoàng Văn D có gọi điện cho Hà Văn H4 nhờ Hà Văn H4 đi xe ôm đến nhà Nguyễn Thị H mua 01 gói ma túy Hêrôin với giá 1.800.000 đồng. Hoàng Văn D trả công cho Hà Văn H4 bằng cách xẻ lại cho Hà Văn H4 một phần ma túy vừa mua được để cho Hà Văn H4 sử dụng. Trên đường đi bán ma túy, Hoàng Văn D đã bị Công an bắt. Trong quá trình điều tra đã xác định được Hoàng Văn D đã mua bán ma túy nhiều lần: Hoàng Văn D đã bán cho Hà Văn H4 03 lần mỗi lần 100.000 đồng, đều vào cuối tháng 02 năm 2017; bán cho Hà Viết Sinh 01 lần với giá 100.000 đồng, thời gian vào cuối tháng 02 năm 2017; bán cho Hà Văn N4 01 lần với giá 100.000 đồng, thời gian vào cuối tháng 02 năm 2017.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS-P1 ngày 30/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo Lê Văn T2 về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Hoàng Văn D về Tội mua

bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo Hà Văn H4 về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Văn T2, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa: Rút một phần nội dung Cáo trạng đã truy tố, cụ thể là phần xác định bị cáo Hoàng Văn D có tiền án, nay rút lại là bị cáo Hoàng Văn D không có tiền án. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 17 năm đến 18 năm tù; xử phạt bị cáo Lê Văn T2 mức án từ 10 năm đến 11 năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn D mức án từ 07 năm đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo Hà Văn H4 mức án từ 02 năm đến 03 năm tù. Phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn T2 5.000.000 đồng; không phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Văn D, Hà Văn H4.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội vì động cơ vụ lợi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn; vụ án đồng phạm giản đơn; bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, đề nghị cho bị cáo mức án dưới mức mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Văn T2, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo đều phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và Kết luận giám định vật chứng. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Vào ngày 25/4/2017, Hoàng Văn D có gọi điện cho Hà Văn H4 nhờ Hà Văn H4 đi xe ôm đến nhà Nguyễn Thị H mua 01 gói ma túy Hêrôin với giá 1.800.000 đồng. Hoàng Văn D trả công cho Hà Văn H4 bằng cách xẻ lại cho Hà Văn H4 một phần ma túy vừa mua được để cho Hà Văn H4 sử dụng. Trên

đường đi bán ma túy, Hoàng Văn D đã bị Công an bắt và thu giữ của Hoàng Văn D chất ma túy Hêrôin, có trọng lượng 0,378 gam. Hoàng Văn D được mua bán ma túy nhiều lần: Hoàng Văn D đã bán cho Hà Văn H4 03 lần mỗi lần 100.000 đồng, đều vào cuối tháng 02 năm 2017; bán cho Hà Viết Sinh 01 lần với giá 100.000 đồng, thời gian vào cuối tháng 02 năm 2017; bán cho Hà Văn H4 01 lần với giá 100.000 đồng, thời gian vào cuối tháng 02 năm 2017.

[4] Vào hồi 17 giờ 00 phút ngày 26/4/2017, Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Lê Văn T2 đang thực hiện hành vi bán ma túy tại trước cửa nhà mình. Lê Văn T2 đã bị Công an bắt và thu giữ được chất ma túy Hêrôin, có tổng trọng lượng 16,048 gam. Lê Văn T2 khai nhận được bán ma túy hộ Nguyễn Thị H 04 lần và Nguyễn Thị H cũng xác nhận là đúng. Như vậy, bị cáo Lê Văn T2 có hai tình tiết định khung hình phạt.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị H là người nghiện chất ma túy, đã mua ma túy nhiều lần với một người phụ nữ tên là H6 không rõ địa chỉ, về sử dụng và bán lại cho những người nghiện ma túy khác kiếm lời. Vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 02/6/2017, Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã bắt được Nguyễn Thị H thu giữ trên người Nguyễn Thị H chất ma túy Hêrôin, có tổng trọng lượng 37,107 gam. Cùng với số ma túy bị cáo nhờ Lê Văn T2 bán hộ có trọng lượng 16,048 gam và số ma túy thu giữ của Hoàng Văn D đã mua từ bị cáo Nguyễn Thị H có trọng lượng 0,378 gam thì tổng trọng lượng ma túy Hêrôin bị cáo Nguyễn Thị H đã mua bán là 53,533 gam.

[6] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Văn T2, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 về Tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[7] Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H được quy định và trừng phạt tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Cụ thể như sau: *"3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm: b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam"*.

[8] Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T2 được quy định và trừng phạt tại điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Cụ thể như sau: *"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: b) Phạm tội nhiều lần; h) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam"*.

[9] Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn D được quy định và trừng phạt tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Cụ thể như sau: *"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: b) Phạm tội nhiều lần"*.

[10] Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Hà Văn H4 được quy định và trừng phạt tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Cụ thể như sau: *"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm"*

[11] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi đó phải bị lên án và trừng trị trước pháp luật.

[12] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Thị H mua ma túy về bán cho nhiều người trong đó có bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Hà Văn H4; bị cáo Lê Văn T2 nhiều lần bán hộ ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị H; bị cáo Hoàng Văn D mua ma túy của bị cáo Nguyễn Thị H về bán lại cho nhiều người khác trong đó có bị cáo Hà Văn H4; bị cáo Hà Văn H4 được mua hộ ma túy cho bị cáo Hoàng Văn D. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị H có vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án, bị cáo Lê Văn T2 và bị cáo Hà Văn H4 có vai trò thứ yếu trong vụ án. Khi lượng hình, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đảm bảo được công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

[13] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[14] Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Bị cáo là người nghiện chất ma túy, bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án cụ thể: Tại Bản án số 13/1998/HS-ST ngày 28/02/1998, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc xử phạt 03 năm tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tại Bản án số 03/2001/HS-ST ngày 18/10/2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; tại Bản án số 95/2004/HS-ST ngày 22/12/2004, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 12 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa được xóa án tích đến ngày 02/6/2017, bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nên bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm; bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần; cần áp dụng tình tiết tăng nặng cho bị cáo theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[15] Đối với bị cáo Lê Văn T2: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có hai tình tiết định khung hình phạt. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khi bị cáo phạm tội bị cáo chưa đủ 70 tuổi nhưng đến nay bị cáo đã đủ 70 tuổi, bị cáo đã là người già nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; ngoài ra cần xem xét vai trò đồng phạm thứ yếu của bị cáo

trong vụ án, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[16] Đối với bị cáo Hoàng Văn D: Bị cáo có nhân thân không tốt, tại Bản án số 100/2012/HS-ST ngày 24/7/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[17] Đối với bị cáo Hà Văn Hải: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; ngoài ra cần xem xét vai trò đồng phạm thứ yếu của bị cáo trong vụ án, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[18] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu điều tra, xác minh xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 không có tài sản gì để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Lê Văn T2 cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[19] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý đối với những tang vật thu giữ được. Cụ thể:

[20] Cần tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy Hêrôin đã thu giữ vì đây là vật Nhà nước cấm lưu hành;

[21] Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 4.900.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị H đã sử dụng vào việc mua bán trái phép ma túy;

[22] Cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước những chiếc điện thoại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng (cũ) của Lê Văn T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (cũ) của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft, màu cam, mặt đen (cũ) của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng đen của Hoàng Văn D do các bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc mua bán trái phép ma túy;

[23] Cần trả lại cho bị cáo Lê Văn T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đen có viền sơn lớp màu vàng hồng (cũ) vì không liên quan đến tội phạm; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T2 là giấy tờ tùy thân của bị cáo; số tiền 28.500.000 đồng thu giữ tại phòng của Nguyễn Thị H, bị cáo Lê Văn T2 khẳng định là tiền tiết kiệm của bị cáo vừa rút từ sổ tiết kiệm ra, với mục đích để sửa nhà. Bị cáo chưa kịp sửa nhà thì bị bắt (bút lục 319). Bị cáo Nguyễn Thị H đã thừa nhận đó là tiền riêng của bị cáo Lê Văn T2 gửi không liên quan đến hành vi mua bán ma túy nên cần trả lại số tiền 28.500.000 đồng cho bị cáo Lê Văn T2; số tiền 2.000.000 đồng không dùng vào việc phạm tội, có nguồn gốc do anh Lê Văn Q đã cho bị cáo nên trả lại cho bị cáo Lê Văn T2;

[24] Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng hồng (cũ) vì không liên quan đến tội phạm; 01 chứng minh nhân dân số 125844267 mang tên Nguyễn Thị H là giấy tờ tùy thân của bị cáo;

[25] Chị Lê Thị X1 (là con dâu của bị cáo Lê Văn T2) có yêu cầu xin lại số tiền 194.000.000 đồng mà chị đã gửi nhờ tại phòng của bị cáo Nguyễn Thị H. Xác nhận số tiền trên không phải của bị cáo Nguyễn Thị H dùng vào việc mua bán ma túy Hêrôin (bút lục 343) nên cần trả lại 194.000.000 đồng cho chị Lê Thị X1;

[26] Đối với đối tượng tên V, do Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét trong Bản án này.

[27] Đối với các đối tượng tên H6 là người bán ma túy cho Nguyễn Thị H; người đàn ông bịt mặt thường xuyên mang ma túy đến cho Nguyễn Thị H; đối tượng tên Đàm Văn M là người đàn ông mà Hoàng Văn D khai đã đưa tiền cho Hoàng Văn D đi mua ma túy. Các đối tượng trên không có đủ căn cứ để Cơ quan điều tra xử lý nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét trong Bản án này.

[28] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[29] Đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[30] Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Văn T2, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 3, Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Căn cứ vào điểm b, h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Văn T2;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hoàng Văn D;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hà Văn H4;

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Về tội danh và hình phạt

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Văn T2, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 (tên gọi khác: K2) phạm Tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 17 (mười bảy) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 02/6/2017.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 08 (tám) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 26/4/2017.

2.3. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 07 (bảy) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 25/4/2017.

2.4. Xử phạt bị cáo Hà Văn H4 (tên gọi khác: K2) 02 (hai) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 26/4/2017.

2.5. Không phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Văn D, Hà Văn H4.

2.6. Phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn T2 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

II. Về xử lý vật chứng

1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H7, trợ lý giám định và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong phong bì có 0,327 gam Hêrôin (tang vật thu giữ của Hoàng Văn D); 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H7, trợ lý giám định và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong phong bì có 15,871 gam Hêrôin (tang vật thu giữ của Lê Văn T2); 01 (một) phong bì có chữ "CÔNG AN HUYỆN CAO LỘC" (cũ). Bên trong có 34,904 gam Hêrôin; 7,053 gam chất tinh thể màu trắng không tìm thấy chất ma túy, có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H7, trợ lý giám định và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới (tang vật thu giữ khi bắt truy nã của Nguyễn Thị H).

2. Tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng (cũ), số IMEI: 013176002715798 (tang vật thu giữ của Lê Văn T2); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (cũ), số IMEI: 357278/05/748929/7 (tang vật thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft, màu cam, mặt đen (cũ), số IMEI1: 355741066289026; số IMEI2: 355741066289034 (tang vật thu giữ khi bắt truy nã của Nguyễn Thị H); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng đen, số IMEI: 354817011449673 (tang vật thu giữ của Hoàng Văn D);

3. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay "Tang vật khám xét NGUYỄN THỊ H 4.900.000 đồng"; mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong gồm: Lê Văn T2, Lê Văn T4, Nguyễn Khánh H8, Mè Vinh Q và 05 (năm) hình dấu tròn của Công an xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Có chữ ký cùng tên của

giám định viên Nông Quang P1, Hoàng Văn D3 và 03 (ba) hình dấu trong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới. Bên trong có 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được giám định.

4. Trả lại cho bị cáo Lê Văn T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đen có viền sơn lớp màu vàng hồng (cũ), số IMEI: 810023600000878 (tang vật thu giữ của Lê Văn T2); 01 chứng minh nhân dân số 080663480 mang tên Lê Văn T2; 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay "Tiền tang vật thu giữ quả tang của Lê Văn T2 2.000.000 đồng"; mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong gồm: Lê Văn T2, Lê Văn T4, Nguyễn Khánh H8, Mè Vinh Q và 05 (năm) hình dấu tròn của Công an xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Có chữ ký cùng tên của giám định viên Nông Quang P1, Hoàng Văn D3 và 03 (ba) hình dấu trong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới. Bên trong có 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được giám định; 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay "Tiền tang vật khám xét NGUYỄN THỊ H 28.500.000 đồng"; mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong gồm: Lê Văn T2, Lê Văn T4, Nguyễn Khánh H8, Mè Vinh Q và 05 (năm) hình dấu tròn của Công an xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Có chữ ký cùng tên của giám định viên Nông Quang P1, Hoàng Văn D3 và 03 (ba) hình dấu trong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới. Bên trong có 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được giám định nhưng cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 chứng minh nhân dân số 125844267 mang tên Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng hồng (cũ), số IMEI1: 864212033839776, số IMEI2: 864212033839768 (tang vật thu giữ khi bắt truy nã của Nguyễn Thị H).

6. Trả lại cho chị Lê Thị X1: 01 (một) hộp bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng kích thước 17,5 cm x 9,6 cm x 5,5 cm. Tại phần giáp lai có chữ ký cùng tên của giám định viên Nông Quang P1, Hoàng Văn D3 và 03 (ba) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 194.000.000 đồng (một trăm chín mươi tư triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được giám định.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2018 và giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

III. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Văn T2, Hoàng Văn D, Hà Văn H4 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiếm